

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm học 2022 - 2023
TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Tổng giá trị HĐ	Tổng số tiền chuyển về	Chủ nhiệm đề tài	Thành viên tham gia
1	Đo đạc khu vực bãi thải khu tây của mỏ thiếc Tĩnh Túc	1402/2022/HĐĐĐ (04/2022-CODECO)	14/2/2022	481.086.688	288.652.668	Phạm Hoàng Anh	Phạm Khánh Huy
2	Thực hiện một phần công việc lập báo cáo thông tin thuộc phương án thăm dò phục vụ khai thác giai đoạn 2019-2020, kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong ranh giới giấy phép khai thác số 2760/ GP-BTNMT ngày 31/12/2028 khu trung tâm mỏ than Mông Dương	124/2019/HĐ-KHĐT (79/2019-CODECO)	29/11/2019	968.789.330	606.584.800	Nguyễn Trung Thành	Phạm Khánh Huy
3	Thực hiện một phần công việc Vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động TKV năm 2022	01/2022/HĐ-KHĐT (38/2022-CODECO)	04/01/2022	264.487.300	259.678.400	Nguyễn Trung Thành	Phạm Khánh Huy

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 1402/2022/HĐĐĐ

Về việc: Đo đạc khu vực bãi thải Khu Tây của mỏ thiếc Tĩnh Túc

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

VÀ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

PHẦN I: CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 21/11/2015;
- Luật Đấu thầu nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Luật Xây dựng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;
- Thông tư số 01/2015/TTBKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc Quy định chi tiết lập Hồ sơ mời quan tâm, Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu dịch vụ tư vấn;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

PHẦN II: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Hôm nay ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng. Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện chủ đầu tư (gọi tắt là bên A)

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Đại diện: Ông **Trần Văn Chương** - Chức vụ : Giám đốc.

Địa chỉ: Phố Kim Đồng - P.Hợp Giang - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 0263.505.505 - Fax: 0263.852.579

Tài khoản số: 33010000000564 tại NH Đầu tư và Phát triển Cao Bằng.

Mã số thuế: 4800129232

2. Nhà thầu (gọi tắt là bên B)

Tên giao dịch : Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa Chất.

Đại diện: Ông **Trần Đình Kiên** - Chức vụ : Giám đốc.

Địa chỉ: Số 36 ngõ 30 P. Tạ Quang Bửu, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng Thành Phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37550428

Tài khoản số: 111000037499 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Nam Thăng Long.

Mã số thuế: 0101074336

Các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1: Các định nghĩa và diễn giải

Cụm từ Hợp đồng được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây.

1.1. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

1.1. Nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa Chất.

1.3. Công trình: Đo đạc thành lập bản đồ hiện trạng khu vực bãi thải Khu Tây của mỏ thiếc Tĩnh Túc thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

1.4. Đại diện là người được ủy quyền và thay mặt điều hành công việc.

1.5. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng điều hành công việc.

1.6. Bên chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

1.7. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng là tháng dương lịch.

1.8. Ngày làm việc là ngày dương lịch trừ ngày lễ, tết theo quy định của Pháp luật.

1.9. Bất khả kháng được định nghĩa tại điều 13 (Rủi ro và bất khả kháng).

1.10. Luật là bộ hệ thống Luật pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2: Trao đổi thông tin

2.1. Các thông báo, chấp nhận, chứng chỉ, quyết định ... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, fax, email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

2.2. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ sau:

- Địa chỉ liên lạc chủ đầu tư: **Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.**

Địa chỉ: Phố Kim Đồng - P. Hợp Giang - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 0263.505.505

- Fax: 0263.852.579

- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu tư vấn : **Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa Chất**

Địa chỉ: Số 36 ngõ 30 P. Tạ Quang Bửu, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37550428

- Fax: 024.37550428

2.3. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

2.4. Trường hợp một trong các bên bên thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên còn lại để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên nào thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên còn lại thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi thông tin mà không thông báo.

Điều 3. Luật ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

Hợp đồng chịu sự điều chỉnh của Hệ thống pháp luật Việt Nam.

Ngôn ngữ của Hợp đồng được thể hiện bằng Tiếng Việt.

Điều 4. Nội dung công việc:

Nội dung và khối lượng công việc bên B thực hiện như sau :

4.1. Khảo sát thực địa, thu thập tài liệu liên quan.

4.2. Đo đạc lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất toàn bộ khu đất theo ranh giới diện tích đã được UBND tỉnh cấp phép số 2451/GP-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 để phục vụ lập hồ sơ xin thuê đất để thực hiện dự án khai thác tận thu khoáng sản quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm trong đất đá thải tại bãi thải khu Tây mỏ thiếc Tĩnh Túc, Nguyên Bình, Cao Bằng với khối lượng diện tích khoảng 45 ha.

Điều 5. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm.

5.1. Sản phẩm của Hợp đồng bao gồm hồ sơ các công việc đã nêu đảm bảo chất lượng theo quy định của nhà nước.

5.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm hợp đồng: 07 bộ và 01 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung.

Điều 6. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

6.1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng được quy định với tổng thời gian thực hiện là 100 ngày (bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ) tính từ ngày ký kết Hợp đồng.

6.2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, trường hợp bên B gặp khó khăn dẫn đến trầm trể thời gian thực hiện hợp đồng thì phải thông báo cho bên A biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự kiến kéo dài hợp đồng. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng các bên sẽ thương thảo và ký kết phụ lục Hợp đồng bổ sung.

6.3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm gia tăng giá trị hợp đồng nếu việc chậm trễ do lợi nhà thầu.

Điều 7. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

7.1. Giá hợp đồng: **481.086.668** đồng.

Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi một triệu không trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng.

7.2. Hình thức Hợp đồng: Trọn gói.

7.3. Nội dung của Giá hợp đồng bao gồm:

- Chi phí vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn thiện sản phẩm...

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, xử lý vướng mắc.

- Chi phí khác có liên quan.

7.4. Tạm ứng :

- Giá trị tạm ứng: Tạm ứng trước cho Nhà thầu 40% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền 192.434.000 đồng. (Bằng chữ: Một trăm chín mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

7.5. Thanh toán: Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc sau khi đã giao sản phẩm, Chủ đầu tư thanh toán 100% giá trị hợp đồng (bao gồm 40% giá trị tạm ứng).

Thanh lý hợp đồng: Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng bên B xuất hóa đơn tài chính cho bên A, bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho bên B.

7.6. Hồ sơ thanh toán gồm :

- Biên bản nghiệm thu khối lượng và chất lượng công việc hoàn thành.

- Biên bản tính giá trị công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng.

- Đề nghị thanh toán của bên B bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có).

- Biên bản thanh lý hợp đồng.

7.8. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

7.9. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 8. Điều chỉnh giá Hợp đồng.

Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

- 8.1. Phát sinh Khối lượng công việc ngoài phạm vi hợp đồng được bên A đồng ý.
- 8.2. Do nguyên nhân bất khả kháng quy định tại điều 13 (rủi ro và bất khả kháng)
- 8.3. Chi phí những công việc phát sinh: Được hai bên thống nhất bằng văn bản và phụ lục hợp đồng.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của bên B

9.1. Quyền của bên B:

- 9.1.1. Yêu cầu bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hợp đồng.
- 9.1.2. Từ chối thực hiện các công việc không hợp lý ngoài nội dung hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của bên A.

9.1.3. Được huy động, ký kết hợp đồng thuê khoán chuyên môn, giao việc cho các chuyên gia, các đơn vị hạch toán độc lập và phụ thuộc của mình để triển khai thực hiện hoàn thành công việc của Hợp đồng.

9.1.4. Được ký kết hợp đồng thuê nhà thầu phụ để triển khai thực hiện hoàn thành các công việc của Hợp đồng đạt chất lượng tốt nhất. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư về tên Nhà thầu phụ và phạm vi công việc của họ. Thông báo này không miễn trừ cho Nhà thầu các nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện hợp đồng. Việc thuê nhà thầu phụ chỉ được chấp thuận khi chủ đầu tư chấp thuận. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc do Chủ đầu tư đồng ý.

9.2. Nghĩa vụ của bên B:

9.2.1. Đảm bảo rằng tất cả các công việc bên B thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với Luật pháp Việt Nam.

9.2.2. Thực hiện theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thỏa thuận và tuân thủ các quy định về áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn và các văn bản hướng dẫn của pháp luật.

9.2.3. Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm của mình.

9.2.4. Bên B sẽ luôn luôn ủng hộ, bảo vệ lợi ích và quyền lợi hợp pháp của bên A. Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền tổ chức.

9.2.5. Nộp các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ hợp đồng và đề xuất giải quyết.

9.2.6. Phải cam kết khi có yêu cầu của bên A, bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của bên A (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm.

9.2.7. Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái pháp luật hoặc không thể thực hiện.

9.2.8. Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho bên A phải phù hợp với hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng sẽ là tài sản của bên A.

9.2.9. Bên B không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc, hợp đồng hay các hoạt động công việc của chủ đầu tư khi chưa được đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản. Trừ trường hợp phải chứng minh năng lực, kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự của nhà thầu khi tham gia đấu thầu theo quy định pháp luật.

9.2.10. Bên B phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

9.2.11. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

9.2.12. Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng.

9.2.13. Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 03 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này bên B không có ý kiến thì coi như bên B đã chấp thuận đề nghị yêu cầu của bên A.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của bên A

10.1. Quyền của bên A :

10.1.1. Sở hữu và sử dụng sản phẩm theo Hợp đồng.

10.1.2. Không nghiệm thu sản phẩm không đạt chất lượng theo hợp đồng.

10.1.3. Kiểm tra công việc của bên B nếu thấy cần thiết.

10.1.4. Yêu cầu sửa đổi bổ sung sản phẩm.

10.1.5. Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo quy định.

10.2. Nghĩa vụ của bên A:

10.2.1. Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của bên B để bên B thực hiện công việc. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu cung cấp.

10.2.2. Tạo điều kiện cho bên B triển khai các công việc liên quan đến nội dung hợp đồng.

10.2.3. Giám sát quá trình bên B thực hiện hợp đồng.

10.2.4. Tạm ứng, thanh toán kinh phí cho bên B theo đúng các quy định được thỏa thuận trong hợp đồng.

10.2.5. Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của bên B trong khoảng 5 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của bên B.

10.2.6. Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với bên B.

Điều 11. Bản quyền và sử dụng tài liệu

11.1. Bên A sẽ giữ bản quyền sản phẩm do bên B thực hiện, được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc mà không cần xin phép bên B.

11.2. Bên B phải cam kết rằng sản phẩm do bên B thực hiện và cung cấp cho bên A không vi phạm bản quyền hoặc sở hữu trí tuệ của bất kỳ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

11.3. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 12. Bảo hiểm

Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 13. Rủi ro và bất khả kháng

13.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng. Các bên phải đánh giá nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý rủi ro của mình.

13.2. Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: Động đất, bão, lũ lụt...

13.2.1. Bất khả kháng không bao gồm sự sơ suất hoặc cố ý của một bên nào hoặc bất kỳ sự cố nào mà một bên đã dự kiến được vào thời điểm ký kết hợp đồng và tránh (hoặc khắc phục) trong quá trình thực hiện hợp đồng.

13.2.2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng trong trường hợp phát sinh từ trường hợp bất khả kháng với điều kiện bên bị ảnh hưởng từ sự kiện bất khả kháng đã thực hiện các biện pháp đề phòng theo nội dung của hợp đồng này.

13.3. Các biện pháp thực hiện trong trường hợp bất khả kháng.

13.3.1. Bên bị ảnh hưởng từ sự kiện bất khả kháng phải thực hiện các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất và trong bất kỳ tình huống nào cũng chậm hơn 10 ngày sau sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời báo việc khắc phục trở lại trong thời gian sớm nhất.

13.3.2. Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

13.3.3. Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ ra hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

13.3.4. Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại 1 thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo chấm dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt hợp đồng sẽ có hiệu lực sau 05 ngày khi bên kia nhận được thông báo.

13.4. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do bên B phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được xem xét để thanh toán.

Điều 14. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

14.1. Tạm ngừng công việc bởi bên A

Nếu bên B không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, bên A có thể ra thông báo tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ công việc của bên B, phải nêu rõ phân lỗi của bên B và yêu cầu bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời bên B phải bồi thường thiệt hại do tạm ngừng công việc.

14.2. Tạm ngừng công việc bởi bên B.

14.2.1. Nếu bên A không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không trả các khoản kinh phí theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn, sau khi thông báo cho bên A, bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

14.2.2. Sau khi bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể.

14.2.3. Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, bên B phải thông báo cho bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo bên A phải xem xét và có ý kiến về các vấn đề của bên B đã nêu.

14.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc khi thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 15. Chấm dứt hợp đồng

15.1. Chấm dứt hợp đồng bởi bên A

Bên A sẽ chấm dứt hợp đồng, sau 10 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu. Bên A được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

15.1.1. Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo hợp đồng.

15.1.2. Bên B chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của bên A.

15.1.3. Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

15.1.4. Bên B cố ý giải trình các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của bên A.

15.1.5. Trường hợp bất khả kháng quy định tại điều 13 (rủi ro và bất khả kháng)

Sau khi chấm dứt hợp đồng bên A có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện công việc tư vấn, và nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

15.2. Chấm dứt hợp đồng bởi bên B

Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản cho bên A tối thiểu là 05 ngày trong các trường hợp sau đây:

15.2.1. Sau 15 ngày liên tục công việc bị tạm ngừng do lỗi của bên A.

15.2.2. Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 15 ngày.

15.2.3. Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

15.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản giải quyết tranh chấp.

15.4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

15.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng : Việc thanh toán thực hiện theo điều 7 của hợp đồng này cho các công việc đã thực hiện trước ngày khi chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 16. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

16.1. Thưởng hợp đồng : Không.

16.2. Phạt vi phạm hợp đồng

16.2.1. Đối với nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 05 ngày không phải do nguyên nhân bất khả kháng thì phạt 0,1% giá trị hợp đồng; sau 05 ngày nếu chậm 01 ngày thì phạt 1% giá trị hợp đồng nhưng tổng số tiền phạt không quá 3% giá trị hợp đồng.

16.2.2. Đối với chủ đầu tư : Trường hợp chủ đầu tư thanh toán, tạm ứng chậm cho nhà thầu theo quy định đã nêu trong hợp đồng thì thời gian thực hiện hợp đồng sẽ gia hạn bằng số ngày do chậm thanh toán hoặc tạm ứng.

Điều 17. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

17.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 30 ngày. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp nhận khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia và có thể khiếu nại về các nội

dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với nội dung khiếu nại mà bên kia đưa ra.

17.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

17.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 18. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng. Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này được lập thành 08 bản bằng Tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 04 bản./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU (bên B)



Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ (bên A)



Trần Văn Chương



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: 0101074336

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428

Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499

NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Mã của cơ quan thuế: 00F38AF7BFE00D4F3A96EE3D422996799C

Ký hiệu: 1C22TMD

Số: 13

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

Địa chỉ: Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng.

Số tài khoản: 33010000000564 Tại: Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cao Bằng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số thuế: 4800129232

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đo đạc khu vực bãi thải Khu Tây của mỏ thiếc Tỉnh Túc (theo HĐ số 1402/2022/HĐĐĐ, ký ngày 14/02/2022).				445.450.619
Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:					445.450.619
Thuế suất GTGT: 8%		Tiền thuế GTGT:			35.636.049
Tổng tiền thanh toán:					481.086.668

Số tiền bằng chữ: **Bốn trăm tám mươi một triệu không trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng**

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 25/03/2022 09:52:28

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.vn/> Mã tra cứu: **4E1A3DB80AD131E8**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoa số dự đky 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)